TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST
Ngày: 24/8/2023
Về việc: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà -** Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.
Các Hội Thẩm nhân dân: Bà **Đào Phương Mai** và Bà **Nguyễn Thị Thiên Thuận**
Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Đức Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Hạnh Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2023/TB-TLST ngày 01/6/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-DS ngày 17/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2023/QĐDS-ST ngày 04/8/2023, giữa:

* **Nguyên đơn**: **Ngân hàng TMCP S (S hoặc ngân hàng)**; Trụ sở: Lầu 8, 266-268 N, phường V, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T.D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đã ủy quyền tham gia tố tụng cho: Công ty TNHH MTV Q (Công ty Q) theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê N.T – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Q.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Trần D.L theo Giấy ủy quyền số 944/2022/UQ-TGĐ ngày 02/12/2022.

(Ông L có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L.A**, sinh năm 1973. CMND số: 011798923 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/06/2009. Hộ khẩu thường trú tại: P412-A11 tập thể B, phường C, quận K, thành phố Hà Nội.

(Bà L.A vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:***

Ngày 11/06/2013, Bà L.A có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu

nhập của Bà L.A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 472075 – 7292 và thẻ Family số thẻ 970403 – 0196 với tổng hạn mức sử dụng chung là **100,000,000** đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà L.A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là **593,365,445** đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà L.A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền **696,912,500** đồng (*Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau*).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà L.A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà L.A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (*Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (*thẻ 472075 – 7292 ngày 11/04/2017, thẻ 970403 – 0196 ngày 23/04/2017)* (*Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*).

Lãi suất quá hạn thẻ 472075 – 729: 3.225%/tháng = 2.15%/tháng x 150%,

Lãi suất quá hạn thẻ 970403 – 0196: 3.75%/tháng = 2.5%/tháng x 150%.

Tính đến ngày 04/08/2023, Bà L.A còn nợ tổng số tiền 128,448,357 đồng, cụ thể như sau:

Số Thẻ	Nợ Gốc	Nợ Quá Hạn	Dư Nợ
472075 – 7292	20,723,609	64,583,446	85,307,055
970403 – 0196	11,151,297	31,990,005	43,141,302
Tổng	**31,874,906**	**96,573,451**	**128,448,357**

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Bà L.A có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Bà L.A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

*** Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:**

1. Buộc Bà Nguyễn Thị L.A phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/08/2023 là 128,448,357 đồng.
2. Bà Nguyễn Thị L.A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 04/08/2023 cho đến khi trả dứt nợ gốc vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.
3. Buộc Bà Nguyễn Thị L.A phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đến Tòa, không giao nộp văn bản ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan vụ việc.

***Tại phiên tòa**: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về số liệu các khoản nợ tính đến hết ngày 24/8/2023 đề nghị HĐXX giải quyết cụ thể như sau:

Số Thẻ	Nợ Gốc	Lãi Quá Hạn	Dư Nợ
472075 – 7292	20,723,609	65,029,006	85,752,615

970403 – 0196	11,151,297	32,268,785	43,420,082
Tổng	**31,874,906**	**97,297,791**	**129,172,697**

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn không chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án**:

Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng giữa pháp nhân và một cá nhân, mục đích vay vốn của bị đơn nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về dân sự.

Theo tài liệu do ngân hàng giao nộp, tại thời điểm ký kết hợp đồng thẻ tín dụng, Bị đơn cư trú tại số P412-A11 tập thể B, phường C, quận K, thành phố Hà Nội, đến thời điểm thụ lý không có tài liệu nào về địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn. Căn cứ vào Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án về "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng" là đúng thẩm quyền.

[2]. **Về thủ tục tố tụng**:

[2.1]. Ngày 31/6/2023, Công an phường Chương Dương cung cấp thông tin bà Nguyễn Thị L.A đã bán nhà, không còn ăn ở sinh hoạt thường xuyên từ năm 2013, 2014 tại địa chỉ P412-A11 tập thể B, phường C, quận K, thành phố Hà Nội. Hiện tại, không rõ nơi ở của bà Nguyễn Thị L.A.

[2.2]. Ngân hàng trình bày không liên lạc được với bị đơn kể từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bị đơn có nghĩa vụ phải thông báo địa chỉ nơi cư trú với nguyên đơn nhưng đã cố tình không thông báo. Như vậy, Tòa án xác định địa chỉ đăng ký HKTT là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa, không giao nộp văn bản ý kiến, tài liệu chứng cứ, bị đơn đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn được quy định theo Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2.3]. Ngày 04/8/2023, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX đã phát hành Quyết định hoãn phiên tòa, ngày 24/8/2023, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cá nhân loại hình thẻ tín dụng quốc tế Visa và thẻ Family được ký kết giữa S có hình thức bằng văn bản có tiêu đề "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 11/06/2012", (*BL16*) các chủ thể ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng đã ký kết không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

[3.2]. Nội dung thỏa thuận giao dịch dân sự thẻ tín dụng giữa hai bên cụ thể, chi tiết tại "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S có hiệu lực từ 01/6/2010" (*BL17*).

[3.2.1]. Theo đó, về việc tính lãi trong hạn được quy định tại Điều 22: *Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản. Lãi suất được tính như sau:*

a).Đối với giao dịch mua hàng hóa, phí, lệ phí và tất cả những khoản nợ khác trên tài khoản (ngoại trừ giao dịch rút tiền mặt). Nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn đầy đủ đúng hạn vào hoặc trước ngày đến hạn, chủ thẻ phải thanh toán lãi suất cho đơn vị phát hành thẻ đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trong tài khoản cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ.

b).Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt: Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút.

Việc thanh toán đối với các khoản dư nợ trên tài khoản được thực hiện theo thứ tự được quy định tại Khoản Mục 20.

Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ.

[3.2.2]. S quy định tại Điều 23: *áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ.*

[3.3]. Về việc thực hiện giao dịch tín dụng: Tài liệu "Thông báo vv lãi suất thẻ tín dụng số 314/TB-TTT ngày 22/5/2012" cho thấy lãi suất áp dụng cho khách hàng đối với thẻ tín dụng FAMILY là 2,5% kể từ ngày 23/5/2012. Tài liệu "Thông báo vv lãi suất thẻ tín dụng số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011" (*BL 25*) cho thấy lãi suất áp dụng cho khách hàng đối với thẻ tín dụng quốc tế là 2,15% kể từ ngày 06/7/2011.

Tài liệu "Tóm tắt Sao kê" chi tiết giao dịch khách hàng đề ngày 22/10/2022 (*BL 23, 24, 26, 27*) do S giao nộp cho thấy:

* Đối với thẻ FAMILY có số thẻ 970403-0196: Bị đơn sử dụng thẻ bắt đầu vào ngày 20/06/2012 và kết thúc chi tiêu cũng như thanh toán vào ngày 22/01/2017.

- Tổng số tiền bị đơn đã chi tiêu là: 305.100.000 đồng

- Ngày 23/4/2017: khoản nợ của bị đơn chuyển sang nợ quá hạn. Thẻ tín dụng FAMILY có số thẻ 970403-0196 chấm dứt hiệu lực sử dụng từ ngày

23/4/2017. Cụ thể số tiền bị đơn đã thanh toán trả 339.503.500 đồng cho S được trừ vào: 41.429.947 đồng lãi + 3.293.850 đồng phí trễ hạn + 831.000 đồng phí + 293.948.703 đồng giao dịch.

Bị đơn đã không thanh toán số tiền còn nợ cho ngân hàng từ ngày 01/3/2019 đến nay như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

* Đối với thẻ VISA có số thẻ 472075-7292: Bị đơn sử dụng thẻ bắt đầu vào ngày 10/7/2012 và kết thúc chi tiêu cũng như thanh toán vào ngày 10/01/2017.

- Tổng số tiền bị đơn đã chi tiêu là: 288.265.445 đồng

- Ngày 23/4/2017: khoản nợ của bị đơn chuyển sang nợ quá hạn. Thẻ tín dụng VISA có số thẻ 472075-7292 chấm dứt hiệu lực sử dụng từ ngày 11/4/2017. Cụ thể số tiền bị đơn đã thanh toán trả 357.409.000 đồng cho S được trừ vào: 77.953.515 đồng lãi + 10.535.679 đồng phí trễ hạn + 1.378.000 đồng phí + 267.541.836 đồng giao dịch

Bị đơn đã không thanh toán số tiền còn nợ cho ngân hàng từ ngày 10/01/2017 đến nay như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

- Ngày 04/7/2021, S có văn bản "Thông báo "số 113/TB-TTT về việc áp dụng lãi suất **2,15%/tháng kể từ ngày 06/7/2011 thay cho mức lãi suất 2,05%**.

*Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả toàn bộ với tổng số tiền 129.172.697 đồng, trong đó số nợ gốc 31.874.906 đồng, lãi quá hạn 97.297.791 đồng là có cơ sở, được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 114; Điều 124; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- khoản 3 Điều 40, Điều 117, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 317, Điều 320, Điều 429, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn - bà Nguyễn Thị L.A:

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị L.A phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 24/8/2023 là **129.172.697 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm chín bảy đồng),** trong đó số nợ gốc 31.874.906 đồng, lãi quá hạn 97.297.791 đồng.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị L.A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại

"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 11/06/2012" và "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S có hiệu lực từ 01/6//2012".

2. Án phí:

2.1. Ngân hàng TMCP S được trả lại **2.950.000** đồng (Hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0052353 ngày 30/5/2023.

2.2. Bà Nguyễn Thị L.A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đồng **6.458.635** đồng (Sáu triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng).

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S, vắng mặt bị đơn.

Ngân hàng TMCP S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn – Nguyễn Thị L.A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS quận Hai Bà Trưng;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THU HÀ